

ĐẶC ĐIỂM CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH THỂ TỤC

Triều Nguyên

Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam

Email: trieunguyen51@gmail.com

TÓM TẮT

Bài viết gồm hai mục chính, là đặc điểm về nội dung và đặc điểm về hình thức của truyện cổ tích thể tục.

Đặc điểm về nội dung cho thấy tiểu loại này biểu đạt điều hiện có, và xem trọng sự chủ động, tích cực của con người. Do biểu đạt điều hiện có, nên tiểu loại này có diễn tiến theo logic đời thường và không yêu cầu phải kết thúc có hậu. Đặc điểm về hình thức cho thấy tiểu loại này đã sử dụng yếu tố ngẫu nhiên trong quá trình sáng tạo, hình thành truyện, và việc vận dụng hoàn cảnh và tâm lí nhân vật theo phong cách dân gian.

Nắm bắt các đặc điểm này sẽ cho phép phân định tiểu loại đang đặt ra với hai tiểu loại khác của truyện cổ tích; đồng thời, cũng nhận ra nó khó lẫn với các hình thức tự sự khác trong hệ thống các thể loại văn học dân gian của đất nước.

Từ khóa: đặc điểm, đặc điểm về hình thức, đặc điểm về nội dung, truyện cổ tích thể tục.

1. DẪN NHẬP

Truyện cổ tích thể tục là một trong ba tiểu thể loại⁽¹⁾ của truyện cổ tích (truyện cổ tích thần kì, truyện cổ tích thể tục, và truyện cổ tích loài vật). Truyện cổ tích thể tục được phân biệt với hai tiểu loại kia:

- So với tiểu loại truyện cổ tích thần kì, truyện cổ tích thể tục không có yếu tố thần kì⁽²⁾, truyện phát triển chủ yếu theo logic thực tại, gồm hoàn cảnh, tính cách của nhân vật.

- So với tiểu loại truyện cổ tích loài vật, truyện cổ tích thể tục không có nhân vật chính là các con vật nhằm phản ánh sinh hoạt, đặc điểm của chúng, cả việc giải thích nguồn gốc các hình dạng bề ngoài của chúng.

Xét số lượng văn bản truyện, thì truyện cổ tích thể tục xếp thứ hai, sau truyện cổ tích thần kì⁽³⁾. Về thời gian ra đời, thì “Về đại thể thì truyện cổ tích thần kì hình thành và phát triển trong thời kì đầu của truyện cổ tích, còn truyện cổ tích sinh hoạt chủ yếu phát triển vào thời kì sau” [2, tr. 48]. Về sự phát triển, vận động trong mối quan hệ giữa các dân tộc: a) Truyện cổ tích thể tục người Kinh phát triển mạnh hơn truyện cổ tích thể tục người thiểu số (trong lúc, với

truyện cổ tích loài vật thì ngược lại); b) Truyện cổ tích thể tục các dân tộc, người Kinh và người thiểu số, có sự gần gũi nhau (do giao lưu, tiếp biến mạnh mẽ), điều này được nhận ra qua việc cùng thống nhất một hệ thống chung về các đề tài, chủ đề, và cùng sử dụng nhiều mô hình cấu trúc, type và motif trong việc tổ chức cốt truyện.

2. ĐẶC ĐIỂM VỀ NỘI DUNG CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH THỂ TỤC

Nếu truyện cổ tích thần kì biểu đạt điều **muốn có**, với yêu cầu cơ bản về con người (để có được điều ấy) là phải hiền lương, thì truyện cổ tích thể tục nghiêng về điều **hiện có**, và bên cạnh yêu cầu cơ bản về điều lương thiện, còn coi trọng việc nhân vật phải tích cực, chủ động để có được thành công, trước những tác động nhiều chiều của cuộc sống thực. Sự khác biệt này là cốt lõi, chúng được xem là đặc điểm nổi bật về nội dung của tiểu loại này.

2.1. Truyện cổ tích thể tục biểu đạt điều hiện có

“Điều hiện có” gồm muôn màu muôn vẻ của cuộc sống, của hiện thực xã hội. Biểu đạt cái muôn màu muôn vẻ ấy, khiến truyện cổ tích thể tục gần gũi với cuộc sống thực. Hệ quả của lối biểu đạt này, là truyện có diễn tiến theo logic đời thường, không có bất kì sự can thiệp nào khác (như sự nhúng tay của định mệnh thần bí hay các thế lực siêu nhiên); đồng thời, cũng không đòi hỏi phải kết thúc có hậu.

2.1.1. Truyện cổ tích thể tục có diễn tiến theo logic đời thường

Theo logic đời thường, thì người giàu, dù bất lương, vẫn có nhiều cơ hội để giàu thêm; kẻ trọc phú thì sự giàu sang có thể giúp khoác thêm vào người anh/chị ta những chức tước, địa vị xã hội hào nhoáng, nhưng điều đó không khiến nhân vật thông minh, sáng láng hơn, mà vẫn có những lời nói và việc làm xuẩn ngốc. Cũng với logic đời thường, thì trong bóng tối, kẻ lưu manh, gian xảo khó bị trừng trị, và chúng có cơ hội sinh sôi nảy nở, người thật thà, lương thiện phải chịu oan trái, thiệt thòi; và tuy bọn ác, xấu, thì bị khinh khi, nhưng điều đó lắm khi chẳng hề hấn gì, vì vẫn có nhiều hơn những kẻ đua nịnh họ,...

Một số truyện cổ tích thể tục diễn tiến theo logic ấy.

Chẳng hạn, truyện *Lấy trộm vàng*, kể về ông phú nông Hào Xâu thuê một anh trai cày tên Hai. Hôm nọ, anh Hai phát hiện ra cái chổi vàng ở một thửa ruộng đang cày, đem giấu vào bụi cây. Anh Hai xin nghỉ làm. Đêm trước khi nghỉ, anh đến xem lại chổi vàng ấy, thấy vẫn nguyên vẹn. Hôm sau, anh tắt tả vác cái chổi đi vội về nhà, nhưng khi mở ra thì toàn là đá. Anh buồn và tiếc của quá đâm ốm mà chết. Anh Hai không biết rằng, đêm ra xem lại cái chổi, ông Hào Xâu đã lén đi theo, và khi anh quay về ngủ thì ông ta đã lấy hết vàng, bỏ đá thay vào. Ông Hào Xâu từ đó trở nên giàu sụ, mua được chức “Cửu phẩm bá hộ”. Bấy giờ, gặp lúc Tây sang nắm quyền, chúng vận động nếp sống văn minh. Ông Hào Xâu cho xây một cái chuồng bò lợp ngói, trong lúc cái đình của làng ông ta đang lợp tranh, nên được chúng khen là nhất vùng.

2.1.2. Truyện cổ tích thể tục không yêu cầu phải kết thúc có hậu

Xem xét 50 truyện cổ tích thần kì của bộ sách *Truyện cổ tích Người Việt* [5] (số truyện xếp đầu tiên, ở quyển 1 và phần đầu quyển 2), và 50 truyện cổ tích thể tục, cũng của bộ sách này (số truyện xếp đầu tiên, ở quyển 5 và phần đầu quyển 6), về mặt kết thúc có hậu hay không, có số liệu đáng chú ý. Các số liệu này được tập hợp ở bảng sau:

Tiểu loại truyện cổ tích Kết thúc có hậu hay không	Truyện cổ tích thần kì	Truyện cổ tích thể tục
Kết thúc có hậu	41 (82%)	13 (26%)
Kết thúc không có hậu	2 (4%)	13 (26%)
Kết thúc khác	7 (14%)	24 (48%)

Ghi chú:

- Ba cột thuộc mục “Kết thúc có hậu hay không” đều ghi số lượng truyện có được và tỉ lệ so với tổng số.

- Kết thúc có hậu gồm các dạng (thứ tự theo số lượng truyện): a) Kẻ ác bị trừng phạt, người thiện được gặp điều tốt lành; b) Người tốt được kết hôn với người mình ao ước; c) Người lương thiện trở nên giàu sang; d) Người đức độ, tài năng làm tan biến cái xấu, khiến sự việc trở lại bình thường; e) Người nhiễm thói tật xấu được tính xấu, sống hoà nhập với cộng đồng; f) Người hiền lành trở nên có phép thuật.

- Kết thúc không có hậu thường gặp: người khôn ranh, ma mãnh được thành công mà không bị trừng phạt. Chú ý, nhân vật chỉ ở mức khôn ranh, ma mãnh, chứ không phạm tội, không có truyện cổ tích (ở cả ba tiểu loại của nó) xiển dương tội ác.

- Kết thúc khác, như: a) Biến người thành vật (truyện cổ tích thần kì); b) Sự thành công là do nỗ lực cố gắng, hay thông minh, tài trí (truyện cổ tích thể tục).

Các số liệu được nêu ở bảng cho thấy: phần lớn truyện cổ tích thần kì đã kết thúc có hậu, trong lúc đa số truyện cổ tích thể tục lại có kết thúc khác, hoặc kết thúc không có hậu. Điều này nói lên: những “điều muốn có” phản ánh ước mong, lí tưởng của con người trong hành trình cuộc sống, nên chúng đẹp đẽ, sáng láng (kết thúc có hậu); trong lúc những “điều hiện có” phản ánh muôn màu muôn vẻ của cuộc sống, của hiện thực xã hội, nên không chỉ có gam màu tươi sáng, mà có lúc tối tăm, ảm đạm (không yêu cầu phải kết thúc có hậu).

2.2. Truyện cổ tích thể tục xem trọng sự chủ động, tích cực của con người

Nếu truyện cổ tích thần kì xem điều lương thiện, chân thật như cơ sở để xét tính hợp thức của vấn đề, là nhân vật đáng được thần linh trợ giúp để đi đến thắng lợi, thì ở truyện cổ tích thể tục, bên cạnh điều ấy, còn đề cao sự chủ động, tích cực của con người. Và có không ít trường hợp, nhân vật hiền lương, chân chất ở truyện cổ tích thể tục chịu thất bại hay bị kẻ khôn lanh lợi dụng.

Để có thể chủ động, tích cực trong ứng xử, con người cần thông minh, khôn khéo, đồng thời, cũng cần có vũ dũng, sức lực. Theo đó, tiểu mục này có thể chia thành hai: truyện cổ tích thể tục đề cao sự thông minh, khôn khéo, và truyện cổ tích thể tục đề cao sự dũng lược, sức mạnh.

2.2.1. Truyện cổ tích thể tục đề cao sự thông minh, khôn khéo

+ Đề cao sự thông minh, khôn khéo, cũng như phê phán, coi khinh điều khờ dại, xuẩn ngốc, là hai việc làm cùng mục đích. Theo đó mà rà soát tổng thể truyện cổ tích thể tục, thì số truyện thuộc chủ đề “khôn - dại” và liên quan đến chủ đề này có số lượng khá lớn.

Chủ đề “khôn - dại” gồm 53 truyện (34 truyện người Kinh, 19 truyện người thiểu số), chiếm 15% trên tổng số truyện cổ tích thể tục ⁽⁴⁾. Bên cạnh đó, có thể kể thêm một số nhóm truyện về những ông quan giỏi (thuộc đề tài “Quan hệ giữa vua quan với dân”), các anh đầy tớ lém lỉnh (thuộc đề tài “Quan hệ thầy trò, chủ tớ”), mấy cô gái lừa quý ông tai to mặt lớn (thuộc đề tài “Các mối quan hệ khác: quan hệ yêu đương ngoài hôn nhân”),..., và nhiều truyện, nhóm truyện khác.

Sở dĩ truyện cổ tích thể tục đề cao sự thông minh, khôn khéo, vì nhờ đó mà nhân vật tự tháo gỡ, dỡ bỏ được những khó khăn, vướng mắc trên bước đường gian khó để thành công (như lấy được vợ đẹp, trở nên giàu sang,...), ít ra, cũng để duy trì cuộc sống có ý nghĩa, mà không phải dựa vào một sự giúp đỡ nào khác, đặc biệt là thế lực siêu nhiên.

+ Có một nội dung thường gặp ở truyện cổ tích thể tục là các việc làm ranh ma, quỷ quyết của một số loại nhân vật, đã gặt hái kết quả (mà không bị trừng phạt). Đó là các nhân vật ở tư cách *rẻ*, trong “kén rẻ”, “làm rẻ”, “ở rẻ”, “con rẻ”. Hầu hết các việc làm của vai rẻ này trong quan hệ với bố vợ (bố vợ tương lai, và bố vợ hiện tại) đều là sự lừa dối, phỉnh gạt. Đó đồng thời là các nhân vật sử dụng mảnh khoé để được việc mình, bất chấp người khác ra sao.

Có thể nêu hai hướng chính trong việc lí giải vấn đề, như sau:

- Trường hợp liên quan đến nhân vật “rẻ”, do ông bố thách cưới quá cao, hay đặt yêu cầu chọn rẻ ngoài khả năng của các chàng, nên để cưới được cô gái mà mình mơ ước, các chàng buộc phải giở thủ đoạn ra, nhằm qua mặt được ông ta. Có thể minh họa vấn đề bằng một loạt các truyện: *Chàng rẻ hay chữ*, *Giết dê lừa ông hàng xóm*, *Chọn rẻ không tật bệnh*, *Kén rẻ giàu sang*, *Kén rẻ bắn cung giỏi*, *Kén rẻ không than mệt*,...

- Trường hợp các nhân vật (không phải với tư cách “rẻ”) sử dụng mảnh khoé để được việc mình, bất chấp người khác ra sao, cho thấy một thực tế trong cuộc sống, và truyện cổ tích thể tục đã phản ánh thực tế ấy. Vấn đề được minh họa bằng các truyện: *Cái chết của bốn ông sư* (nhân vật bà chủ quán đã dùng mẹo để sai khiến lão sãi chôn từng ông sư một, đến lúc quá mệt mỏi, sãi ta đã đạp xuống sông một ông đầu trọc khác); *Ông chủ hà tiện* (nhân vật anh đầy tớ đã lập mưu khiến chủ mình phải ăn vụng, rồi đầy đoạ ông ta để buộc phải đền bù); *Thầy đồ dưỡng thai* (nhân vật thầy đồ đã hù dọa khiến người vợ lính đang có thai lo sợ, phải sa vào tay thầy);...

Có thể, sự thành công của các nhân vật ở trường hợp vừa nêu, do chưa phải đã phạm pháp, hoặc phạm tội không cố ý, hoặc âm mưu⁽⁵⁾,... Dù vậy, khi đặt vấn đề ở góc độ thể loại mà xét, thì cũng có thể do quá quan tâm đến yêu cầu về sự thông minh, khôn ngoan mà các tác giả truyện cổ tích thể tục đã nhầm lẫn điều này với sự ma mãnh, quỷ quyệt. Ma mãnh, quỷ quyệt là sự thông minh, khôn ngoan đã bước qua lằn ranh của lẽ phải và điều thiện.

2.2.2. Truyện cổ tích thể tục đề cao sự dũng lược, sức mạnh

Bên cạnh việc đề cao điều thông minh, khôn khéo, truyện cổ tích thể tục cũng quan tâm đến sự dũng lược, sức mạnh. Lí do, là có dũng lược, sức mạnh mới có thể thành công trong việc chiến đấu chống lại kẻ địch xâm chiếm làng bản, quê hương, và quật ngã những con thú rừng hung hãn. Trong việc chống lại hai loại kẻ thù vừa nêu, nếu thiếu dũng lược và sức mạnh, sẽ chuốc lấy thất bại.

Phần lớn các truyện đề cao sự dũng lược, sức mạnh thuộc dân tộc thiểu số, như nhóm *Quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng*, *Chàng mồ côi giết hổ* (truyện người Dao), *Chàng Nơi* (truyện người Tà Ôi), *Tộc trưởng Lí Pì Già* (truyện người Mảng),... Bên cạnh đó, là truyện thuộc nhiều nhóm khác: *Chàng trai đánh hổ cứu nàng công chúa*, *Chàng Lía*, *Chàng Lít* (truyện người Gia Rai), *Thị việc bán hạ đại bàng, bắt được cọp* (truyện người Chơ Ro), *Giết hổ cứu dân* (truyện người Mường),...

Vì sao loại truyện đề cao sự dũng lược, sức mạnh từ cổ tích thể tục ở dân tộc thiểu số có nhiều hơn dân tộc Kinh?

Có thể tìm thấy ít nhất hai lí do, xuất phát từ hai góc nhìn khác nhau:

- *Xuất phát từ thực tiễn cuộc sống*: Các tộc người thiểu số thường sống đơn độc ở núi rừng hẻo lánh, trước sự tấn công của các bộ tộc khác, của thú dữ, họ cần dũng lược và sức mạnh để tự bảo vệ mình. Điều này kéo dài hàng trăm, hàng nghìn năm, cho đến ngày nay, hoặc gần với hiện nay. Trong lúc đó, người Kinh thường sống tập trung ở đồng bằng, với dân số đông đúc, khoa học kĩ thuật theo đà tiến bộ chung của nhân loại, việc chống lại thú dữ đã lùi vào quá khứ, việc chống xâm lược đã có tổ chức quân đội thường trực, nên yêu cầu về sự dũng lược và sức mạnh của cá nhân có phần ít đi. Truyện cổ tích thể tục đã phản ánh điều đó.

- *Xuất phát từ công việc sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian*: Các nghiên cứu văn học dân gian phần lớn tập trung vào người Kinh⁽⁶⁾. Ở đó, thể loại truyền thuyết được chia làm ba nhóm lớn: truyền thuyết nhân vật, truyền thuyết địa danh, và truyền thuyết phong vật. Riêng truyền thuyết nhân vật, gồm các anh hùng chống xâm lược, các anh hùng văn hoá, danh nhân lịch sử, các tổ tiên nòi giống, dòng họ, tổ nghề, các anh hùng nông dân,...⁽⁷⁾ Đối chiếu với nội dung các truyện đề cao sự dũng lược, sức mạnh vừa nêu, sẽ không khó nhận ra rằng, chúng gần gũi với truyền thuyết, nhóm truyền thuyết nhân vật. Do sự khác biệt về tập quán, tín ngưỡng của mỗi bên, mà phần lớn truyện đề cao sự dũng lược, sức mạnh của người Kinh được thu hút vào truyền thuyết, trong lúc với người thiểu số thì hiện được xếp vào cổ tích thể tục, hay truyện cổ tích nói chung⁽⁸⁾.

3. ĐẶC ĐIỂM VỀ NGHỆ THUẬT CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH THỂ TỤC

3.1. Truyện cổ tích thể tục đã sử dụng yếu tố ngẫu nhiên thay cho yếu tố thần kì trong quá trình sáng tạo, hình thành truyện

Ở bình diện phương pháp sáng tác, yếu tố thần kì xuất hiện khi mạch truyện bế tắc, nhân vật không lối thoát, bấy giờ, điều kì diệu có tác dụng khơi thông vấn đề, khiến truyện được tiến triển theo đúng yêu cầu của tác giả dân gian. Vậy thì, với truyện cổ tích thể tục, khi yếu tố thần kì không còn, trước sự bế tắc của truyện, điều gì có tác dụng thay thế?

Mẫu *Chuyện nghề của một ông thầy thuốc* kể về một ông thầy thuốc được tiếng là chữa bệnh giỏi nhất vùng. Ngày nọ, có một người phụ nữ trẻ đến xin thầy bốc thuốc chữa bệnh cho chồng. Nghe chị ta trình bày bệnh tình của người ốm xong, thầy bảo: “Bệnh của anh nhà chỉ nấu cháo khoai mài, kho cá bóng cho anh ấy ăn thì sẽ khỏi”. Y lời thầy thuốc dặn, hằng ngày người vợ trẻ nấu cho chồng ăn các món kể trên. Ít lâu sau, người chồng khỏi bệnh. Vừa mới khoẻ, anh ta đã vội ân ái ngay với vợ, vì vậy trúng phong⁽⁹⁾ mà chết. Ông thầy thuốc hay tin cứ ân hận mãi. Ông tự trách mình sơ suất, không dặn kĩ bệnh nhân mới ra nông nỗi. Đau buồn, ông ra sông, ném xuống dòng nước chiếc chìa khoá hòm đựng đồ nghề, tự nhủ rằng, từ nay sẽ không xem mạch, bốc thuốc cho ai nữa.

Mấy năm sau, có anh dân chài trong làng gặp phải chuyện vợ đẻ khó. Anh tức tốc chạy đến nhà ông thầy thuốc để nhờ cứu giúp. Đúng lúc ấy, ông thầy vừa ngủ dậy, cất tiếng bảo người nhà mang nước lên cho ông rửa mặt. Anh ngư dân đang lúc nóng vội, tâm trí bất ổn, nghe thế tưởng là ông thầy thuốc bảo cách chữa bệnh cho vợ là như vậy, bèn chạy về nhà. Anh ta cứ như lời thầy mà làm. Không ngờ, chị vợ sau khi được rửa mặt bằng nước mát, đã vượt cạn thành công. Người chồng vui mừng khôn xiết, liền ra sông bủa lưới bắt cá đem tạ ơn thầy. Anh chọn con cá to nhất mang đến nhà ông thầy thuốc và năn nỉ xin được nhận cho. Ông thầy thuốc lấy làm lạ. Thấy anh ta nhiệt tình quá, ông đành nhận con cá. Người nhà đem cá ra mổ. Trong bụng cá có chiếc chìa khoá hòm đồ nghề mà năm nào ông thầy thuốc đã ném xuống sông. Ông thầy nghĩ mình còn cơ duyên với nghề, bèn vui vẻ trở lại với việc bắt mạch, bốc thuốc cứu người.

Truyện được bố cục gồm hai phần: a) Phần một (từ mở đầu đến “...tự nhủ rằng, từ nay sẽ không xem mạch, bốc thuốc cho ai nữa”), kể việc ông thầy thuốc giỏi đã phải ném xuống sông chiếc chìa khoá hòm đựng đồ nghề, vì chỉ chữa cho một người mắc bệnh xoàng bằng cách ăn cháo khoai mài với cá bóng (thức ăn bổ dưỡng), thế mà người này bị chết; b) Phần hai (từ câu “Mấy năm sau, có anh dân chài trong làng gặp phải chuyện vợ đẻ khó”, đến kết thúc), kể việc ông thầy thuốc sai người nhà bưng chậu nước lên rửa mặt, đúng lúc có anh làm nghề đánh cá đến nhờ thầy giúp việc vợ anh ta đang khó đẻ, anh ta tưởng thầy bảo mình, bèn chạy về làm như vậy với vợ, nào ngờ vợ đẻ ngay, bèn đem một con cá mới đánh bắt được tặng thầy; mổ bụng cá, có chiếc chìa khoá, thầy làm nghề thuốc trở lại.

Có thể thấy, hết phần một, truyện bế tắc. Toàn bộ phần hai nhằm tháo gỡ sự bế tắc ấy. Mà tất cả các sự việc, chi tiết của phần này đều dựa vào ngẫu nhiên: chuyện rửa mặt để đẻ; việc con cá ăn chìa khoá; con cá ấy được tặng đúng chủ nhân của chiếc chìa khoá kia;...

Hoặc như truyện *Tiếc gà chôn mẹ* kể về một chàng tuổi trẻ không có nghề nghiệp gì, tính lang bạt, bao nhiêu gia sản đều phung phí hết. Anh ta nuôi được một con gà chọi đáng giá những ba mươi quan tiền, nâng niu như bảo bối. Một hôm, anh có việc đi vắng. Người vợ ở nhà đang sàng gạo. Con gà sấn đến bên cạnh quấy phá. Chị tiện tay lấy cái sàng đánh gà, chẳng may trúng vào chỗ hiểm, gà chết ngay. Người vợ quá kinh hãi, méu máo nói với mẹ chồng: “Chồng con yêu mê một con gà này, còn hơn cả vợ con. Nay con trót nhỡ tay đánh chết, xin mẹ thương mà che chở giùm cho. Nếu không, con chắc chết dưới bàn tay độc địa kia”. Mẹ chồng bảo: “Mày cứ lên giường nằm giả cách ốm đi. Việc ấy cứ để tao cáng đáng”. Người vợ sợ quá, đâm ốm thật, nóng lạnh mê man.

Một lát sau, anh chồng về, hỏi gà đâu. Mẹ chép miệng nói: “Vừa rồi gà đến ăn thóc, tao đuổi đi, chẳng may lỡ tay đánh chết mất rồi. Tao rất lấy làm hối. Tao có mấy thửa ruộng đường lão đấy, nay đem bồi thường cho mày. Mày nhận lấy ruộng, theo thời giá mà bán đi, lấy tiền mua gà khác”. Người con ngồi im một lúc, rồi mới bảo: “Đem cơm ra đây cho tôi ăn!”. Mẹ bưng cơm ra, ăn xong lại bảo: “Đem nước chè ra cho tôi uống!”. Uống nước xong, anh ta bảo mẹ: “Mau đem cho tôi một cái cuốc!”. Mẹ lại đem cuốc ra. Anh ta vác cuốc lên vai, một tay giữ cuốc, một tay túm tóc mẹ, lôi ra bãi tha ma ở đầu làng. Rồi vừa ép mẹ ngồi xuống một bên, anh ta vừa dùng cuốc quật đất lên để chôn mẹ...

Nhân vật có chôn được mẹ không? Truyện kể đến đây, chắc chắn tác giả hay người dựng truyện phải đặt câu hỏi ấy. Nếu để chàng trai trẻ kia chôn mẹ, thì mẫu truyện sẽ như một nhát dao đâm vào tâm can người kể, người nghe. Không ai nỡ lòng kể hay lắng nghe một mẫu truyện “cay đắng” như vậy; và nếu thế, nó sẽ thất truyền. Còn ngược lại. Để phù hợp với quan niệm “ác giả ác báo”, kẻ bất hiếu, bất nghĩa phải bị trừng trị, thì chỉ còn mỗi cách là làm cho nhân vật người con phải chết. Mà chết ngay trong điều kiện, hoàn cảnh đặt ra của truyện, nếu do tác nhân bên ngoài, thì hoặc sét đánh, hoặc đất sụt lún, do tác nhân bên trong là các dạng của đột quy.

Các dị bản hiện có của mẫu truyện này đều theo hướng để nhân vật phải chết; và cái chết ấy theo đúng các nguyên nhân vừa nêu: a) Nhân vật chết do sét đánh: được kể trong *Kho tàng cổ tích Việt Nam* (Nguyễn Đồng Chi (2000), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 398-399); b) Nhân vật chết do đất sụt lún: được kể trong *Nghìn năm bia miệng*, tập I (Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường (1992), Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 65-67); c) Nhân vật chết đột ngột (thường là đột quy): được kể trong *Truyện truyền kì Việt Nam*, quyển II (Nguyễn Huệ Chi chủ biên (2009), Nxb. Giáo dục Việt Nam, tr. 46-47).

Dù nhân vật chết ở dạng nào, đều là chết bất thường, về mặt dựng truyện, là sự việc ngẫu nhiên.

Theo đó, có thể nói rõ hơn: với cổ tích thể tục, khi truyện bế tắc, tác giả (hay người dựng truyện) đã dựa vào yếu tố ngẫu nhiên để khai thông, hòng truyện được tiếp diễn, thay vì dựa vào phép lạ như truyện cổ tích thần kì⁽¹⁰⁾.

3.2. Truyện cổ tích thể tục vận dụng hoàn cảnh và tâm lí nhân vật theo phong cách dân gian

Khi không có yếu tố thần kì can dự vào quá trình sáng tạo, hình thành truyện, cũng không sử dụng điều ngẫu nhiên để khai thông lúc mạch truyện bế tắc, truyện cổ tích thể tục sẽ phát triển chủ yếu theo hoàn cảnh và tâm lí nhân vật. Cụ thể, là mối quan hệ tương ứng giữa nhân vật, tâm lí nhân vật, với những vấn đề nảy sinh từ hoàn cảnh, điều kiện và môi trường sống, theo phong cách dân gian.

Đặc điểm này khiến truyện cổ tích thể tục có vẻ gần gũi với truyện ngắn hiện đại được sáng tác theo chủ nghĩa hiện thực. Nói “có vẻ gần gũi”, bởi thật ra, chúng khá khác biệt. Nếu truyện ngắn hiện đại có thể khai thác tới đa những yếu tố hoàn cảnh và tâm lí đặc thù để xây dựng truyện, thì với truyện cổ tích thể tục, do yêu cầu phải kể bằng lời, nên hoàn cảnh và tâm lí thường mang sắc thái chung, chỉ được phác hoạ đôi nét, buộc người kể và người nghe phải hiểu ngầm để hoàn thiện chúng.

Chẳng hạn, truyện *Cú đậu nóc nhà*, kể việc hai vợ chồng nọ cố gắng lắm mới dựng được một căn nhà. Vậy mà vừa dựng lên đã có con cú đậu ngay lên nóc. Ông thầy cúng bảo: “Cú đậu thì nhất định phú quý vinh hoa”. Hai vợ chồng nghe thế càng nỗ lực làm ăn, và trở nên giàu sang. Khi đã sung túc, họ đến hỏi ông thầy cúng nọ về con cú và việc giàu có ấy, ông nói: “Mọi cái đều do con người làm nên. Con cú chẳng báo hiệu điềm gì cả!”. Truyện chỉ vồn vện có 216 từ.

Qua việc nghe (đọc) truyện, có thể biết: a) Hoàn cảnh của đôi vợ chồng: ban đầu nghèo, dành dụm mãi mới có tiền cất được một căn nhà; sau nhờ nỗ lực làm ăn đã trở nên giàu có; b) Tâm lí nhân vật: α) Hai vợ chồng: thấy cú đậu nóc nhà mới của mình, họ cho là điềm gỡ, bèn tìm thầy để hỏi; khi đã ăn nên làm ra, họ vẫn không khỏi băn khoăn chuyện cũ, lại tìm hỏi thầy; β) Ông thầy cúng: là người phủ nhận việc tin tưởng có tính chất mê tín vào cú, thấy hai vợ chồng nọ quyết tâm làm lung, biết họ sẽ trở nên sang giàu, nên quyết đoán: “sau này nhất định sẽ phú quý, vinh hoa”.

Ngoài những điều *hiện*, tức dựa vào văn bản truyện mà có ấy, có thể bổ sung thêm:

- Điều kiện, môi trường sống của nhân vật là Nam Bộ xưa, nơi được thiên nhiên ưu đãi, con người nếu nỗ lực làm ăn thì khó thể đói nghèo. Thuở ấy, “ông thầy cúng” là một đại biểu của người hiểu biết, và đối tượng này rất gần với dân (hơn những tầng lớp có học khác, như quan chức, nho sĩ,...).

- Truyện không nói hai vợ chồng nọ làm nghề gì, người tiếp nhận có thể cho họ làm ruộng hay những công việc liên quan đến nông nghiệp. Thấy cú đậu lên nóc nhà mới làm, họ lo sợ, phải đến hỏi thầy, vì dân gian cho cú mang lại điềm chẳng lành (kiểu “Cú dòm nhà bệnh”, “Cú kêu cho ma ăn”, “Cú kêu ra ma”,...). Khi được thầy giúp xoá nỗi sợ kia, và nhờ quyết tâm làm ăn, họ trở nên giàu có, nhưng vẫn chưa rút được con cú ra khỏi đầu. Đây là nỗi ám ảnh do tập quán đã ăn sâu vào máu thịt.

- Giả sử thấy hai vợ chồng nọ có vóc dáng yếu ớt, ý chí mềm nhũn thì ông thầy cúng được kể là “rất sành tâm lí” kia, dù không sợ, không tin vào cú, cũng không dám đoán chắc về tương lai giàu sang của họ như đã nêu. Vậy thì họ chẳng những có nghị lực mà còn rất trẻ, khỏe.

Các bổ sung, hay sự việc *ẩn* (cũng gọi là “tiền giả định”) vừa nêu, cho thấy: để truyện cổ tích thể tục được ngắn gọn khi kể, thì trong tâm trí người tiếp nhận, chúng phải dài ra, bằng những đối sánh và liên tưởng. Cụ thể hơn, các yếu tố hoàn cảnh và tâm lí ở truyện cổ tích thể tục được hoàn thiện ở phía người lĩnh hội. Nói người lĩnh hội là đồng tác giả với người sáng tạo trong văn học dân gian, là vì thế.

Điều thực tại được nói đến làm chỗ dựa cho việc sáng tạo truyện cổ tích thể tục, theo đó, không giống với văn học viết. Đó là một hiện thực mang phong cách dân gian. Có thể nhận ra rõ hơn vấn đề qua việc văn học dân gian khi xây dựng truyện, thường sử dụng lối phiếm chỉ và các kiểu “che giấu” (che giấu người thật, việc thật). Truyện cổ tích thể tục cũng không làm khác. Ở đây, thường gặp là lối *che mắt* và cách *biểu trưng*: che mắt nhân vật, và lấy biểu trưng A thay cho sự thật B (để B được giấu đi).

Khi muốn ngựa tập trung sức lực mà chạy, người ta đã che hai bên mắt phía lề đường, để ngựa không phải nhìn thấy những nơi ấy. Ở đây, tạm dùng khái niệm “che mắt”, để chỉ việc người sáng tạo không muốn nhân vật nhận ra những chi tiết bất lợi cho điều muốn kể. Chẳng hạn, truyện *Anh chàng thong manh*, kể về một anh bị thong manh (bị mù hoặc nhìn không rõ, nhưng trông bề ngoài thì mắt vẫn gần như bình thường), phải đi ăn xin. Anh ta đến nhà một ông trưởng giả trong làng để kiếm ăn, may mắn biết được bí mật kén chồng cho cô con gái của ông này, và nhờ đó mà lấy được cô ta. Trong nhà, không ai biết chú rể là người thong manh...

Chi tiết bị “che mắt”: Ai cũng rõ, người cùng một làng thường biết nhau từ đời cụ kị. Một anh thong manh từ nhỏ, đi ăn xin khắp, mọi người đều hay, làm sao nhà ông trưởng giả lại không biết?

Bên cạnh việc sử dụng lối “che mắt”, truyện cổ tích thể tục lắm khi còn kể sự việc, chi tiết theo lối biểu trưng, dùng cái biểu trưng thay cho một sự việc xảy ra trong thực tế. Chẳng hạn, truyện *Gốc tích người Đan Lai* (truyện người Thổ), kể việc dân làng, là người Kinh ở miền xuôi của xứ Nghệ, vì sự đòi hỏi quá đáng của quan mà phải bỏ quê quán ra đi lên miền ngược, ở vùng núi non mù mịt, và dần dà trở thành người Thổ. Chi tiết quan yêu cầu dân làng là: “Phải chặt đủ một trăm cây nứa vàng và phải đóng năm chiếc thuyền liền chèo”. Một bản khác, kể: “Quan bắt đóng năm chiếc thuyền liền chèo, trên mái lát một trăm tấm vàng lá, và phải nộp năm con trâu đực có thể chữa con, năm thúng gạo già trắng có thể gieo mạ được”.

Người lĩnh hội nhận ra, chi tiết về việc đòi hỏi của quan được hình thành theo lối biểu trưng. Nó nhằm đạt được ý: yêu cầu như vậy là quá gỏi, khiến dân làng khốn đốn, đến không còn cách nào khác ngoài việc phải ra đi. Trừ trường hợp, đây là hiện tượng đánh đố trong dân gian (mà chúng ta đã biết qua truyện Trạng Quỳnh), không thể có một đòi hỏi như vậy của quan đối với dân làng. Vậy thì, phải có một sự thật nào đó đã được che giấu (do khó nói, hoặc khó thuyết phục người nghe), và dùng lối biểu trưng để thay vào.

4. KẾT LUẬN

Các đặc điểm của truyện cổ tích thể tục cho phép phân định nó với hai tiểu loại khác của truyện cổ tích; đồng thời, cũng cho thấy nó khó lẫn với các loại, thể tự sự khác trong văn học, văn hoá. Nắm bắt chúng sẽ giúp việc nhìn nhận những vấn đề liên quan đến truyện cổ tích được thấu đáo hơn. Chẳng hạn, nói truyện cổ tích thể tục biểu đạt điều hiển có, với hệ quả không đòi hỏi phải kết thúc có hậu, sẽ cho thấy, các câu cửa miệng “Đẹp như truyện cổ tích”, “Có hậu như truyện cổ tích”, “Mơ được như truyện cổ tích”,..., thì khái niệm “truyện cổ tích” ở các câu này, nếu cần nêu chính xác, là truyện cổ tích thần kì.

Mặt khác, các đặc điểm của truyện cổ tích thể tục cũng cho thấy sự đóng góp và hạn chế của tiểu loại này trong đời sống tinh thần của nhân dân. *Đóng góp* lớn nhất của nó là đã khuyến thiện trừng ác, coi trọng sự chủ động, tích cực của con người trong nỗ lực tìm kiếm hạnh phúc cho bản thân và cộng đồng. Để đạt được các nội dung tích cực này, truyện cổ tích thể tục đã sử dụng một số phương thức nghệ thuật, như yếu tố ngẫu nhiên, lối che mắt, cách biểu trưng, trong quá trình sáng tạo, xây dựng truyện. Có điều, đây là các yếu tố dễ làm cho truyện bớt đi sự giản dị, chín chắn, sức thuyết phục về vấn đề mà truyện muốn đặt ra cũng ít nhiều bị giảm đi. Riêng yếu tố ngẫu nhiên, tương tự với yếu tố thần kì của truyện cổ tích thần kì, cũng có thể tạo ra một thứ niềm tin vào lĩnh vực siêu nhiên, thần bí. Đó chính là *hạn chế* của tiểu loại truyện cổ tích thể tục.

CHÚ THÍCH

(1) a) Khái niệm “Truyện cổ tích thể tục” ở đây, tương ứng với “truyện cổ tích sinh hoạt”, “truyện cổ tích sinh hoạt xã hội”, “truyện cổ tích thể sự”,... Đồng thời, nó là một dạng viết tắt của “Truyện cổ tích thể tục Việt Nam”, bao gồm truyện cổ tích thể tục của người Kinh, và truyện cổ tích thể tục của người thiểu số.

b) *Tiểu thể loại*: dưới đây, viết tắt là tiểu loại.

(2) Yếu tố thần kì gồm ba dạng cơ bản và một dạng kết hợp, như sau:

- Dạng 1: Các đối tượng siêu nhiên và chỗ trú ngụ của họ: Bụt, thần tiên, ma quỷ,...; thiên đình, thủy cung, địa phủ,...

- Dạng 2: Các con vật, cây cối có tài phép: trăn tinh; đại bàng; con vật biết nói năng, hành động như người; cây chặt không đứt;...

- Dạng 3: Các đồ vật có phép lạ: cây đàn thần; búa thần; gậy thần;...

- Dạng 4: Sự kết hợp: a) Kết hợp giữa ba dạng 1, 2 và 3 với nhau: thần tiên biến thành con vật, cây cối và ngược lại; đồ vật biến thành con vật, cây cối và ngược lại;... b) Kết hợp giữa con người với ba dạng 1, 2 và 3: người được sinh đẻ và trưởng thành bất thường; người có tài phép như thần tiên, ma quỷ; người lấy thần tiên, ma quỷ; người mang lột con vật, cây quả; người hoá thành con vật, cây cối, đồ vật;...

Đã là truyện cổ tích thần kì thì phải có yếu tố thần kì, còn truyện cổ tích thế tục thì không có yếu tố ấy. Đây là một sự nhìn nhận của người viết. Sự nhìn nhận này được trình bày trong một chuyên luận có tên *Tìm hiểu về truyện cổ tích thế tục Việt Nam*, hoàn thành cuối năm 2015. Một phần của chuyên luận này (có việc phân tích, lí giải vấn đề đang bàn) sẽ được công bố ở quyển 1, trong sách *Truyện cổ tích thế tục Việt Nam (sưu tập, giới thiệu)*, 3 quyển, sắp in xong.

(3) Về số lượng văn bản (SLVB) truyện cổ tích Việt Nam, có thống kê (chưa đầy đủ) như sau: a) *Truyện cổ tích thần kì (TCTTK)*: tài liệu *Truyện cổ tích người Việt* [5], riêng tiểu loại thần kì, tập hợp 124 bản chính, 203 bản khác, tài liệu *Truyện cổ tích các dân tộc thiểu số Việt Nam: truyện cổ tích thần kì*, 5 quyển (Nguyễn Thị Yên (Chủ biên) (2014), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội), tập hợp 80 truyện - cộng hai tài liệu: 417 truyện; b) *Truyện cổ tích thế tục (TCTTT)*: tài liệu *Truyện cổ tích thế tục Việt Nam (sưu tập, giới thiệu)* của người viết, sắp công bố, tập hợp được 360 truyện; c) *Truyện cổ tích loài vật (TCTLV)*: tài liệu *Truyện cổ tích loài vật Việt Nam (sưu tập, giới thiệu)* của người viết, chưa công bố, tập hợp được 273 truyện. Theo đó: SLVB TCTTK > SLVB TCTTT > SLVB TCTLV.

Với truyện cổ tích người Việt, ở [5], tỉ lệ số lượng truyện tương ứng theo ba tiểu loại đã nêu là: TCTTK: 50,2%; TCTTT: 32,0%; TCTLV: 17,8%. Tài liệu [3] không ghi số lượng cụ thể, mà có nhận xét rằng: “Nếu như truyện cổ tích động vật và truyện cổ tích thần kì về đồng sẽ tìm thấy ở các dân tộc ít người phong phú hơn, thì truyện cổ tích sinh hoạt xã hội lại tìm thấy ở người Việt phong phú hơn” [3, tr. 128].

(4) Thống kê này dựa vào *Truyện cổ tích thế tục Việt Nam (sưu tập, giới thiệu)*, gồm 360 mẫu truyện (người Kinh: 216 mẫu, người thiểu số: 144 mẫu), đã nêu. Bộ sách này được dùng làm cơ sở cho việc tìm hiểu của bài viết (khi không sử dụng nó, thì có nêu nguồn trích dẫn của vấn đề liên quan).

(5) Tục ngữ có câu “Dâm vô tang, đạo vô tích” (việc dâm bôn thường không có tang tích, việc trộm cắp thường thiếu chứng cứ); ý nói: đây là những việc rất khó để buộc tội (và dân gian thường bỏ qua, ít truy xét).

(6) Thời gian từ 2008 đến nay, đã xuất hiện nhiều hơn các sưu tầm, nghiên cứu văn hoá, văn học dân gian các dân tộc thiểu số được công bố; đặc biệt là số sách từ *Dự án Công bố và phổ biến tài sản văn hoá văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam*, thuộc Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (theo dự tính, từ 2008 đến 2017, tổng số sách được công bố từ dự án này là 2500 cuốn).

(7) Theo: Kiều Thu Hoạch (Chủ biên), Trần Thị An, Mai Ngọc Hồng (2014), *Truyền thuyết dân gian người Việt*, quyển 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 35. Bộ sách gồm 6 quyển này tập hợp được 514 mẫu truyền thuyết.

(8) Vấn đề cần có thời gian để tìm hiểu và hệ thống hoá các tác phẩm, thể loại văn học dân gian người thiểu số, cho hợp lẽ hơn.

(9) *Trúng phùng*: (người đàn ông) bị đột quỵ khi giao hợp, thường do mới ốm khỏi hay đi xa về còn đang mệt, có thể dẫn đến cái chết.

(10) Khi cả hai đều dùng các yếu tố ngẫu nhiên hay siêu nhiên để khai thông mạch truyện bế tắc, thì có thể dựa vào đó để suy luận: xét khái quát, truyện cổ tích thế tục ra đời sau truyện cổ tích thần kì, và

Đặc điểm của truyện cổ tích thế tục

đã nối tiếp tiểu loại này trong việc tiếp cận hiện thực cuộc sống (suy luận này chỉ xác đáng, khi yếu tố ngẫu nhiên xuất hiện sau yếu tố siêu nhiên).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên (1991). *Văn học dân gian*, tập 1, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
- [2]. Hoàng Tiến Tựu (1990). *Văn học dân gian*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Lê Chí Quế (chủ biên), Võ Quang Nhơn, Nguyễn Hùng Vĩ (2001). *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Đồng Chi (1993). *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, 5 tập, Viện Văn học xuất bản, Hà Nội.
- [5]. [Nguyễn Thị Huệ (Chủ biên), Trần Thị An (2014). *Truyện cổ tích người Việt*, 6 quyển, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Xuân Đức (1996). *Thi pháp truyện cổ tích thần kì người Việt*, Trường Đại học Sư phạm Vinh xuất bản.

CHARACTERISTICS OF LIVING FAIRYTALE

Trieu Nguyen

Association of Vietnamese Folklorists

Email: trieunguyen51@gmail.com

ABSTRACT

This paper includes two main sections: characteristics of content and characteristics of form of living fairytales.

Features for the content shows this subtype expresses existing things, and concentrates on the sense of activeness and positiveness of people. Due to expressing the existing things, this subtype evolves everyday logic and not requires happy ending. Characteristics of form shows subtypes have used random element in the creative process, forming stories, and employing the circumstances and psychological character of folk style.

Seizing the characteristics mentioned above will allow delimiting this subtype with two remaining subtypes of fairy tales as well as hardly confuse with other narrative forms in the system of folk literature.

Keywords: *Characteristics of form, features, characteristics of form, characteristics of the content, living tales.*